

BỘ TÀI CHÍNH**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 115/2005/TT-BTC

Hà Nội, ngày 16 tháng 12 năm 2005

THÔNG TƯ**Hướng dẫn thi hành Nghị định số 156/2005/NĐ-CP
ngày 15/12/2005 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các
Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật thuế tiêu thụ
đặc biệt và Luật thuế giá trị gia tăng**

Căn cứ Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt (TTĐB) và Luật Thuế giá trị gia tăng (GTGT);

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế TTĐB và Luật Thuế GTGT số 57/2005/QH11 ngày 29/11/2005;

Căn cứ Nghị định số 156/2005/NĐ-CP ngày 15/12/2005 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Thuế TTĐB và Luật Thuế GTGT;

Căn cứ Nghị định số 77/2003/NĐ-CP ngày 01/7/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện như sau:

PHẦN A: VỀ THUẾ TTĐB**I. Thay thế Phần B Thông tư số**

119/2003/TT-BTC ngày 12/12/2003 và điểm 2, điểm 3 Thông tư số 18/2005/TT-BTC ngày 08/3/2005 của Bộ Tài chính về căn cứ tính thuế và thuế suất thuế TTĐB bằng Phần B mới như sau:

“B. Căn cứ tính thuế và thuế suất:

Căn cứ tính thuế TTĐB là giá tính thuế của hàng hóa, dịch vụ chịu thuế TTĐB và thuế suất thuế TTĐB.

$$\begin{array}{rcccl} \text{Thuế} & & \text{Giá tính} & & \text{Thuế} \\ \text{TTĐB} & = & \text{thuế} & \times & \text{suất} \\ \text{phải nộp} & & \text{TTĐB} & & \text{thuế} \\ & & & & \text{TTĐB} \end{array}$$

I. Giá tính thuế TTĐB:

Giá tính thuế TTĐB của hàng hóa, dịch vụ được xác định cụ thể như sau:

1. Đối với hàng sản xuất trong nước: Giá tính thuế TTĐB là giá bán của cơ sở sản xuất chưa có thuế GTGT và chưa có thuế TTĐB, được xác định cụ thể như sau:

09633954

$$\text{Giá tính thuế TTĐB} = \frac{\text{Giá bán chưa có thuế GTGT}}{1 + \text{Thuế suất thuế TTĐB}}$$

Giá bán chưa có thuế GTGT được xác định theo quy định của Luật Thuế GTGT.

Trường hợp cơ sở sản xuất hàng hóa chịu thuế TTĐB bán hàng qua các chi nhánh, cửa hàng, cơ sở phụ thuộc thì giá làm căn cứ tính thuế TTĐB là giá do các chi nhánh, cửa hàng, cơ sở phụ thuộc bán ra chưa có thuế GTGT. Cơ sở sản xuất bán hàng thông qua đại lý bán đúng giá do cơ sở quy định, hưởng hoa hồng thì giá làm căn cứ xác định giá tính thuế TTĐB là giá bán chưa có thuế GTGT do cơ sở sản xuất quy định chưa trừ hoa hồng.

- Đối với bia hộp (bia lon), giá tính thuế TTĐB được xác định như sau:

$$\text{Giá tính thuế TTĐB} = \frac{\text{Giá bán chưa có thuế GTGT} - \text{giá trị vỏ hộp}}{1 + \text{Thuế suất thuế TTĐB}}$$

Trong đó: Giá trị vỏ hộp được ấn định theo mức 3.800đ/1 lít bia hộp.

Ví dụ: Đối với bia hộp: Giá bán của 1 lít bia hộp chưa có thuế GTGT là 16.000 đồng, giá trị vỏ hộp cho 1 lít bia được trừ là 3.800 đồng, thuế suất thuế TTĐB của bia hộp là 75% thì:

$$\text{Giá tính thuế TTĐB 1 lít bia hộp} = \frac{16.000 \text{ đ} - 3.800 \text{ đ}}{1 + 75\%} = \frac{12.200 \text{ đ}}{1,75} = 6.971 \text{ đ}$$

- Đối với hàng hóa chịu thuế TTĐB được tiêu thụ qua các cơ sở kinh doanh thương mại thì giá làm căn cứ tính thuế TTĐB là giá bán chưa có thuế GTGT của cơ sở sản xuất nhưng không được thấp hơn 10% so với giá bán bình quân do cơ sở kinh doanh thương mại bán ra.

Trường hợp giá bán của cơ sở sản xuất thấp hơn 10% so với giá cơ sở kinh doanh thương mại bán ra thì giá tính thuế TTĐB là giá do cơ quan thuế ấn định theo quy định tại điểm 8đ phần D Thông tư số 119/2003/TT-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài chính.

2. Đối với hàng nhập khẩu: Giá tính thuế TTĐB đối với hàng nhập khẩu thuộc diện chịu thuế TTĐB được xác định như sau:

$$\text{Giá tính thuế TTĐB} = \text{Giá tính thuế nhập khẩu} + \text{Thuế nhập khẩu.}$$

Giá tính thuế nhập khẩu được xác định theo các quy định của Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu. Trường hợp hàng hóa nhập khẩu được miễn hoặc giảm thuế nhập khẩu thì thuế nhập khẩu được xác định trong giá tính thuế TTĐB theo số thuế nhập khẩu còn phải nộp.

Đối với bia hộp nhập khẩu: Giá tính thuế TTĐB được trừ giá trị vỏ hộp theo mức ấn định 3.800 đồng/1 lít bia hộp.

Giá tính thuế TTĐB của 1 lít bia hộp nhập khẩu được tính như sau:

$$\begin{array}{rcccl} \text{Giá tính thuế} & & \text{Giá tính thuế} & + & \text{Thuế nhập} & & \\ \text{TTĐB} & = & \text{nhập khẩu} & & \text{khẩu} & - & 3.800 \text{ đ} \end{array}$$

3. Đối với rượu chai, bia chai khi tính thuế TTĐB không được trừ giá trị vỏ chai.

4. Đối với hàng hóa gia công: Giá tính thuế TTĐB là giá bán chưa có thuế GTGT và chưa có thuế TTĐB của cơ sở đưa gia công, được xác định cụ thể như sau:

$$\begin{array}{rcc} \text{Giá tính thuế TTĐB đối} & & \text{Giá bán chưa có thuế GTGT} \\ \text{với hàng hóa gia công} & = & \text{của cơ sở đưa gia công} \\ & & \hline & & 1 + \text{Thuế suất thuế TTĐB} \end{array}$$

5. Đối với hàng hóa bán theo phương thức trả góp: Giá tính thuế TTĐB là giá bán chưa có thuế GTGT và chưa có thuế TTĐB của hàng hóa bán theo phương thức trả tiền một lần, không bao gồm khoản lãi trả góp.

6. Giá tính thuế đối với dịch vụ chịu thuế TTĐB là giá cung ứng dịch vụ của cơ sở kinh doanh chưa có thuế GTGT và chưa có thuế TTĐB, được xác định như sau:

$$\begin{array}{rcc} \text{Giá tính thuế TTĐB} & = & \text{Giá dịch vụ chưa có thuế GTGT} \\ & & \hline & & 1 + \text{Thuế suất thuế TTĐB} \end{array}$$

Ví dụ: Doanh thu chưa có thuế GTGT kinh doanh vũ trường của cơ sở trong kỳ là 30.000.000 đồng.

$$\begin{array}{rcccl} \text{Giá tính thuế TTĐB} & = & \frac{30.000.000 \text{ đ}}{1 + 30\%} & = & 23.076.923 \text{ đ} \end{array}$$

Giá dịch vụ chưa có thuế GTGT làm căn cứ xác định giá tính thuế TTĐB đối với một số dịch vụ quy định như sau:

- Đối với kinh doanh vũ trường là giá chưa có thuế GTGT của các hoạt động kinh doanh trong vũ trường.

- Đối với dịch vụ mát-xa là doanh thu mát-xa chưa có thuế GTGT bao gồm cả tắm, xông hơi.

- Đối với kinh doanh gôn là doanh thu thực thu chưa có thuế GTGT về bán thẻ hội viên, bán vé chơi gôn, bao gồm cả tiền phí chơi gôn do hội viên trả và tiền ký quỹ (nếu có). Trường hợp khoản ký quỹ được trả lại người ký quỹ thì cơ sở sẽ được hoàn lại số thuế đã nộp bằng cách khấu trừ vào số phải nộp của kỳ tiếp theo, nếu không khấu trừ được thì cơ sở sẽ được hoàn thuế theo quy định. Cơ sở kinh doanh gôn có kinh doanh các loại hàng hóa, dịch vụ khác không thuộc danh mục chịu thuế TTĐB thì các hàng hóa, dịch vụ đó không phải chịu thuế TTĐB.

Ví dụ: cơ sở kinh doanh gôn có tổ chức các hoạt động kinh doanh khách sạn, ăn uống, bán hàng hóa, hoặc các trò chơi thì các hàng hóa, dịch vụ này không thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB.

- Đối với dịch vụ ca-si-nô, trò chơi bằng máy giắc-pốt là doanh số bán chưa có thuế GTGT đã trừ trả thưởng tức là bằng số tiền thu được (chưa có thuế GTGT) do đổi cho khách trước khi chơi tại quầy đổi tiền hoặc bàn chơi, máy chơi trừ đi số tiền đổi trả lại cho khách.

- Đối với kinh doanh giải trí có đặt cược là doanh số bán vé số đặt cược trừ số tiền trả thưởng cho khách thắng cuộc (giá chưa có thuế GTGT), không bao gồm doanh số bán vé xem các trò giải trí có đặt cược.

- Đối với dịch vụ xổ số là giá vé số chưa có thuế GTGT.

- Giá tính thuế TTĐB đối với hàng hóa, dịch vụ chịu thuế TTĐB dùng để khuyến mại, trao đổi, tiêu dùng nội bộ, biếu, tặng là giá tính thuế TTĐB của hàng hóa, dịch vụ cùng loại hoặc tương đương tại thời điểm phát sinh các hoạt động này.

Giá tính thuế TTĐB đối với hàng hóa sản xuất trong nước, dịch vụ chịu thuế TTĐB bao gồm cả khoản thu thêm tính ngoài giá bán hàng hóa, dịch vụ (nếu có) mà cơ sở được hưởng.

Trường hợp đối tượng nộp thuế có doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ bằng ngoại tệ thì phải quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh doanh thu để xác định giá tính thuế.

II. Thuế suất thuế TTĐB.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế TTĐB và Luật Thuế GTGT số 57/2005/QH11 ngày 29/11/2005, thuế suất thuế TTĐB áp dụng cụ thể như sau:

BIỂU THUẾ SUẤT THUẾ TTĐB

Số thứ tự	Hàng hóa, dịch vụ	Thuế suất (%)
I	Hàng hóa	
1	Thuốc lá điếu, xì gà	
	a) Xì gà	65
	b) Thuốc lá điếu	
	- Năm 2006 - 2007	55
	- Từ năm 2008	65
2	Rượu	
	a) Rượu từ 40 độ trở lên	65
	b) Rượu từ 20 độ đến dưới 40 độ	30
	c) Rượu dưới 20 độ, rượu hoa quả, rượu thuốc	20
3	Bia	
	a) Bia chai, bia hộp	75
	b) Bia hơi, bia tươi	
	- Năm 2006 - 2007	30
	- Từ năm 2008	40
4	Ô tô	
	a) Ô tô từ 5 chỗ ngồi trở xuống	50
	b) Ô tô từ 6 đến 15 chỗ ngồi	30
	c) Ô tô từ 16 đến dưới 24 chỗ ngồi (Bao gồm cả xe thiết kế vừa chở người vừa chở hàng và các loại xe lam)	15
5	Xăng các loại, nap-ta (naptha), con-đen-sát (condensate), chế phẩm tái hợp (reformade component) và các chế phẩm khác dùng để pha chế xăng	10
6	Điều hòa nhiệt độ công suất từ 90.000 BTU trở xuống	15

09683954

Số thứ tự	Hàng hóa, dịch vụ	Thuế suất (%)
7	Bài lá	40
8	Vàng mã, hàng mã	70
II	Dịch vụ	
1	Kinh doanh vũ trường, mát xa, ka-ra-ô-kê	30
2	Kinh doanh ca-si-nô (casino), trò chơi bằng máy giắc-pốt (jackpot)	25
3	Kinh doanh giải trí có đặt cược	25
4	Kinh doanh gôn (golf): bán thẻ hội viên, vé chơi gôn	10
5	Kinh doanh xổ số	15

09683954

Đối với hàng hóa thuộc diện chịu thuế TTĐB, thuế suất thuế TTĐB không phân biệt hàng hóa nhập khẩu hay hàng hóa sản xuất trong nước.

Việc áp dụng thuế suất thuế TTĐB đối với một số hàng hóa, dịch vụ trong Biểu thuế được quy định cụ thể như sau:

1. Rượu thuốc là thuốc ở dạng lỏng dùng cho người nhằm mục đích phòng bệnh, chữa bệnh, giảm triệu chứng bệnh; được cơ quan y tế có thẩm quyền cấp số đăng ký lưu hành.

Cơ sở sản xuất rượu thuốc phải có giấy phép sản xuất rượu thuốc và giấy chứng nhận đăng ký tên, nhãn mác, chất lượng sản phẩm rượu thuốc do cơ quan y tế hoặc cơ quan có thẩm quyền cấp. Đối với rượu thuốc nhập khẩu phải được cơ quan y tế hoặc cơ quan có thẩm quyền xác định là rượu thuốc, cấp giấy phép nhập khẩu.

Nếu không có đủ những điều kiện trên đây thì cơ sở sản xuất, nhập khẩu phải nộp thuế TTĐB theo thuế suất của loại rượu có độ cồn tương ứng.

2. Hàng mã thuộc diện chịu thuế TTĐB không bao gồm loại hàng mã là đồ chơi trẻ em và các loại hàng mã dùng để trang trí”.

II. Bãi bỏ một số điểm tại các Thông tư

số 119/2003/TT-BTC ngày 12/12/2003; Thông tư số 82/2005/TT-BTC ngày 21/9/2005 của Bộ Tài chính như sau:

1. Bãi bỏ đoạn cuối điểm 1b mục I Phần C Thông tư số 119/2003/TT-BTC ngày 12/12/2003 sau đây:

“Đối với cơ sở sản xuất thuốc lá điếu, ngoài việc đăng ký nhãn hiệu như trên, còn phải đăng ký với cơ quan thuế về định mức tiêu hao nguyên liệu sợi thuốc lá sản xuất cho từng loại thuốc lá điếu, trong đó ghi rõ khối lượng sợi thuốc sản xuất trên đơn vị sản phẩm và tỷ lệ giữa khối lượng sợi thuốc nhập khẩu (nếu có) trên tổng khối lượng sợi thuốc dùng để sản xuất sản phẩm làm căn cứ xác định mức thuế suất thuế TTĐB”.

2. Bãi bỏ điểm 1b Phần D Thông tư số 119/2003/TT-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài chính về giảm thuế TTĐB đối với cơ sở lắp ráp, sản xuất ô tô.

3. Bãi bỏ bảng kê khai rượu tiêu thụ trong kỳ Mẫu số 06A/TTĐB; Bảng kê khai bia chai tiêu thụ trong kỳ (loại bán cả vỏ chai) Mẫu số 06B/TTĐB ban hành kèm theo Thông tư số 119/2003/TT-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài chính, bảng kê khai điều chỉnh năm về giá tính thuế TTĐB và thuế TTĐB đối với rượu chai,

bia chai Mẫu số 01B/TTĐB ban hành kèm theo Thông tư số 82/2005/TT-BTC ngày 21/9/2005 của Bộ Tài chính và đoạn cuối điểm 2b Mục II Thông tư số 82/2005/TT-BTC sau đây:

“Kết thúc năm dương lịch, cơ sở lập bảng kê khai điều chỉnh giá tính thuế TTĐB đối với rượu chai, bia chai (trong trường hợp bán cả vỏ chai) theo Mẫu số 01B/TTĐB ban hành kèm theo Thông tư này. Bảng kê khai Mẫu số 01B/TTĐB được lập và điều chỉnh vào tờ khai thuế TTĐB của tháng 1 hoặc tháng 2 của năm tiếp theo”.

PHẦN B: VỀ THUẾ GTGT

I. Thay thế điểm 1 Mục II Phần A Thông tư số 120/2003/TT-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài chính bằng điểm 1 mới như sau:

“1. Sản phẩm trồng trọt (bao gồm cả sản phẩm rừng trồng), chăn nuôi; thủy sản, hải sản nuôi trồng, đánh bắt chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc mới qua sơ chế thông thường của tổ chức, cá nhân tự sản xuất, đánh bắt bán ra và ở khâu nhập khẩu.

Các sản phẩm mới qua sơ chế thông

thường chưa chế biến ở mức độ cao hơn hoặc chế biến thành các sản phẩm khác được xác định như sau:

- Đối với sản phẩm trồng trọt là các sản phẩm mới được phơi, sấy khô, làm sạch, bóc vỏ.

- Đối với sản phẩm chăn nuôi; thủy sản, hải sản nuôi trồng, đánh bắt là các sản phẩm mới được phơi, sấy khô, làm sạch, ướp đông”.

II. Sửa đổi điểm 2.14 Mục II Phần B Thông tư số 120/2003/TT-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài chính như sau:

“Bông sơ chế là bông đã được bóc vỏ, hạt và phân loại”.

PHẦN C: TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Bãi bỏ các quy định trái với hướng dẫn tại Thông tư này. Những quy định tại các Thông tư số 119/2003/TT-BTC ngày 12/12/2003; Thông tư số 18/2005/TT-BTC ngày 08/3/2005; Thông tư số 82/2005/TT-BTC ngày 21/9/2005 và Thông tư số 120/2003/TT-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài chính không sửa đổi, bổ sung

hoặc bãi bỏ tại Thông tư này vẫn có hiệu lực thi hành. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, đề nghị các đơn vị, cơ quan, cơ sở kinh doanh phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu hướng dẫn bổ sung./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Trương Chí Trung

09683954

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Điện thoại: 04.8233947; 04.8231182

Fax: 08044517

Email: congbaovpcp@cpt.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng